

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 16-4-2019

“*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Hồ Văn Hạnh.
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:** Ông Dương Minh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 16/4/2019, tại phòng xử án Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 220/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019 ngày 28/3/2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Trần Văn N; địa chỉ: Số H, tổ dân phố Y, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)
2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Ái Nh; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2018 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn anh Trần Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và cô Nh tự nguyện đăng kết hôn ngày 31/12/2007 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND phường T) thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau và đã sống ly thân từ 2015 đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với cô Nh.

Về con chung: Có 01 con chung Trần Anh Kh, sinh ngày 09/02/2008 trước kia do cô Nh nuôi dưỡng nhưng từ tháng 8/2018 đến nay cháu đang ở với tôi, nay tôi có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ái Nh đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa anh Trần Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] **Về khởi kiện và thụ lý vụ án:** Ngày 28/11/2018 anh Trần Văn N nộp đơn khởi kiện, ngày 04/12/2018 Tòa án thụ lý việc khởi kiện của anh Trần Văn N là đúng trình tự thủ tục theo điều 191, điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về thẩm quyền giải quyết:** Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] **Về trình tự thủ tục tố tụng:** Bị đơn chị Nguyễn Thị Ái Nh vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh là phù hợp với điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] **Về quan hệ hôn nhân:** Anh N và chị Nh tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 31/12/2007 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND phường T), thị xã B, tỉnh Đắk Lắk là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh N, chị Nh sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau và đã sống ly thân từ 2015 đến nay không ai quan tâm đến ai, mặt khác biên bản xác minh tại địa phương cũng thể hiện anh N, chị Nh thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Ái Nh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho anh Trần Văn N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ái Nh là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] **Về nuôi con chung và cấp dưỡng:**

[5.1] Về nuôi con chung: Anh N, chị Nh có 01 con chung là cháu Trần Anh Kh, sinh ngày 09/02/2008 từ tháng 8/2018 đến nay anh N nuôi dưỡng chăm sóc

cháu Kh, nay anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, nguyện vọng của cháu Kh cũng xin được ở với anh N, vì vậy cần giao cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh cho đến tuổi thành niên là phù hợp với các Điều 58;81;82;83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Xét quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[8] *Về án phí*: Anh Trần Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; các điều 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn N. Anh Trần Văn N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ái Nh.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Anh Kh, sinh ngày 09/02/2008 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Khoa đủ tuổi thành niên. Chị Nguyễn Thị Ái Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0011262 ngày 04/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- UBND phường Thiện An
- Chi cục THA dân sự TX Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Tùng Lâm

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tùng Lâm